

*T, ngày 05 tháng 9 năm 2019*

Số: 204 /2019/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 203 /2019/TLST-HNGĐ ngày 13/ 8 /2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Bản N, xã S, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Văn B, sinh năm: 1976

Địa chỉ: Khu 4, thị trấn S, huyện T, Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 ; Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55; khoản 1 Điều 57; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điểm a khoản 5; Điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UB Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2019.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L

Bị đơn: Anh Lê Văn B

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị L và Anh Lê Văn B.

Về con: Chị Phạm Thị L và Anh Lê Văn B thống nhất vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị Phạm Thị L và Anh Lê Văn B thống nhất vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị Phạm Thị L và Anh Lê Văn B thống nhất vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị L và Anh Lê Văn B thống nhất thỏa thuận: Chị L chịu trách nhiệm nộp toàn bộ án phí DSST là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số: AA/2017/0004686 ngày 13/8/2019 của Chi cục Thi hành án huyện T, Chị L được nhận lại 150.000đ.

**3.** Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Trọng Hiền**